

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Bá Dũng

Ông Lê Truyền Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2023/TLST-DS ngày 17/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2024/QĐXXST-DS ngày 02/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ: Lâu H, 2 đường N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N – chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ; Địa chỉ: A B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định ủy quyền số 3270/2022/QDD-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc và Giấy ủy quyền số 140/2023/UQ-CNĐN ngày 30/10/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Trần Quốc T**; sinh năm 1990; Địa chỉ: H H, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Ngày 21/6/2022, ông Trần Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch đến ngày 25/3/2023 với số tiền: 185.379.100 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 170.661.685 đồng. Trong đó: thanh toán gốc: 168.185.186 đồng, lãi + phí phát sinh: 2.476.499 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 17/5/2024, ông Trần Quốc T còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 17.498.757 đồng, lãi quá hạn 8.074.142 đồng, tổng cộng 25.572.899 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm chín mươi chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh: 25.572.899 đồng tính đến ngày 17/5/2024 (Trong đó nợ gốc: 17.498.757 đồng, lãi quá hạn 8.074.142 đồng). Và lãi quá hạn phát sinh tiếp theo tính từ ngày 18/5/2024 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã ký vào ngày 21/6/2022 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông T thanh toán xong khoản nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Trần Quốc T để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Trần Quốc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Quốc T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do ông Trần Quốc T đăng ký ngày 21/6/2022 và được Ngân hàng phê duyệt ngày 21/6/2022 để ông T được sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với hạn mức 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Trần Quốc T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, ông thực hiện đợt thanh toán cuối cùng vào ngày 25/5/2023 nên ngày 26/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, ngày 30/10/2023, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 20.658.899 đồng (trong đó, số tiền gốc là 17.498.757 đồng và lãi quá hạn là 3.160.142 đồng tính đến ngày 30/10/2023) cùng tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 25.572.899 đồng tính đến ngày 17/5/2024 (Trong đó nợ gốc: 17.498.757 đồng, lãi quá hạn 8.074.142 đồng). Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi như trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[4] Đối với bị đơn – ông Trần Quốc T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng phê duyệt cho ông Trần Quốc T hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cũng như Bản tóm tắt sao kê thể hiện các lần giao dịch cũng như thanh toán của ông Trần Quốc T trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Quốc T, hạn mức thẻ: 20.0000.000 đồng; lãi suất trong hạn thay đổi theo từng thời kì; lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 17/5/2024, ông Trần Quốc T còn nợ Ngân hàng số tiền là 25.572.899 đồng tính đến ngày 17/5/2024 (Trong đó nợ gốc: 17.498.757 đồng, lãi quá hạn 8.074.142 đồng). Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với số tiền còn nợ như trên cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 25.572.899 đồng x 5% ~ 1.278.645 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463 và khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 3 26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Quốc T.

Buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 25.572.899đ (*Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm chín mươi chín đồng*), bao gồm: Nợ gốc: 17.498.757 đồng, lãi quá hạn 8.074.142 đồng tính đến ngày 17/5/2024.

Kể từ ngày 18/5/2024 mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì số tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/6/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP S.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: 1.278.645đ (*Một triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi lăm đồng*), ông Trần Quốc T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 516.472đ (*Năm trăm mười sáu ngàn bốn trăm bảy mươi hai đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002614 ngày 13/11/2023.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà